MS. CHI ENGLISH

Name: _____ **Date:** 05/12/2021

Class: L4 **Tel:** 038 255 2594

GLOBAL STAGE 4: GRAMMAR REVISION

A. GRAMMAR

I. COUNT NOUNS AND NON-COUNT NOUNS

	COUNT NOUNS	NON-COUNT NOUNS
Định nghĩa	• Dành cho những thứ chúng ta có thể đếm bằng số. • Chúng có dạng số ít và số nhiều. • Dạng số ít có thể sử dụng mạo từ "a" hoặc "an"	• Là những thứ mà chúng ta không thể đếm bằng số. • Chúng có thể là tên của các ý tưởng hay có tính chất trừu tượng hoặc cho các vật thể quá nhỏ hoặc quá vô định hình để đếm được (chất lỏng, bột, khí v.v...). • Danh từ không đếm được được sử dụng với một động từ số ít. • Chúng thường không có dạng số nhiều.
Ví dụ	one dog – two dogs, …	tea, sugar, water, air, rice, knowledge *(kiến thức)*, money, …

II. SOME / ANY

	SOME	ANY
Đặc điểm chung	- Đều có nghĩa là "**một vài, một ít**" và được dùng để diễn đạt một số lượng không xác định. - Đều đứng trước danh từ, bổ nghĩa cho danh từ về mặt số lượng. - Được dùng với **danh từ đếm được số nhiều** và **danh từ không đếm được**.	
Điểm khác biệt	- Được dùng trong câu **khẳng định** và để đưa ra **lời mời** hay **lời yêu cầu.** VD: - I would like some fish. - Can you buy me some oranges?	- **ANY** được dùng trong câu **phủ định và nghi vấn.** VD: - There isn't any rice left. - Are there any noodles for dinner?

III. The structure "Would you like"

- Mục đích: Cấu trúc này được dùng để mời ai đó hoặc đưa ra lời đề nghị một cách lịch sự.

Cấu trúc	Would you like + N / to V?	
	Đồng ý	**Từ chối**
Cách trả lời theo hướng	- Yes. I would like to. (I'd like to.) / I would love to. (I'd love to.) - Yes, please. / Yes, I would.	- No, thank you. - I'm sorry. I cannot (can't). - I would love to, but….

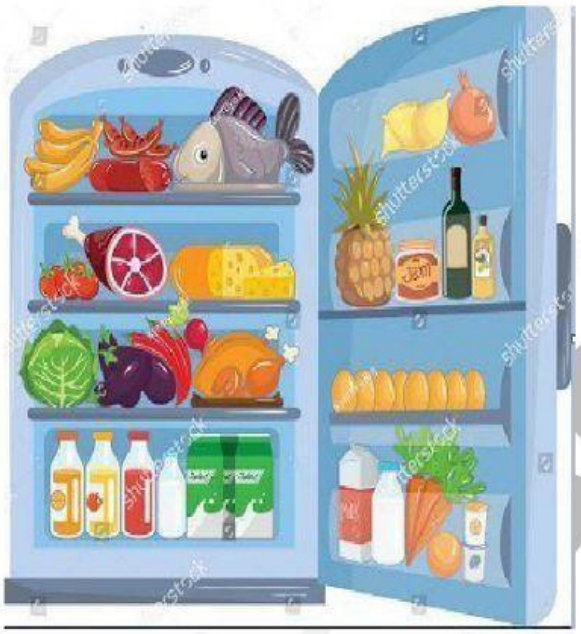
LIVEWORKSHEETS

Ví dụ	Would you like **some tea**? *(Bạn muốn uống chút trà không?)* → Yes. I would like to. *(Vâng. Tôi muốn lắm.)* Would you like **to watch** a movie? *(Bạn có muốn xem phim không?)* → I would love to, but I have not finished my homework yet. *(Tôi muốn lắm, nhưng tôi vẫn chưa hoàn thành xong bài tập về nhà của mình.)*

***Lưu ý:** N = Noun: Danh từ

B. HOMEWORK

I. Look at the picture, choose the correct word in the bracket to complete the paragraph.



Because of Covid-19 pandemic, my mom often buys a lot of food in the fridge. There is **(0)** **some** **(some / any)** milk. There **(1)**_____ **(is / are)** some eggs. There are **(2)** _____ **(some /any)** bananas. **(3)** _____ **(There is / There are)** a big fish. There are not **(4)** _____ **(some / any)** watermelons. There are some **(5)** _____ **(carrots / carrot)**. There is some fruit juice and wine, too. There **(6)**_____ **(is / are)** large whole chicken but there **(7)**_____ **(is not / are not / is / are)** any rice in the fridge.

II. Choose the best answer.

0. I **(would like / would)** some tea.

1. I **(would like to / would like)** travel to Japan next summer, but I do not have enough money.

2. Which **(would / would like)** you **(like to / like)**, chocolate or vanilla ice cream?

3. **(Do / Would)** you **(like / like to)** drink some milk? – Yes, I would. Thank you.

4. What would you like to eat? – **(I would like a slice of pizza. / Yes, please.)**

LIVEWORKSHEETS

5. I **(would like to / would like)** some chicken and some chips.

III. Choose the correct answer

0. Look at those dark clouds! It_____rain!

(A.) is going to **B.** will **C.** does

1. This homework is very easy. I know we_____it very quickly.

A. is going to do **B.** will do **C.** are doing

2. **A:** What are your plans for this evening?

B: I_____with my famiy.

A. will eat out **B.** am going to eat out **C.** am eating out

3. My brother thinks it_____tomorrow.

A. will snow **B.** is going to snow **C.** is snowing

4. Celia_____to Chicago later this month. She has got a job there.

A. is moving **B.** will move **C.** is going to move

5. It is very hot in here. I_____the window.

A. am going to open **B.** am opening **C.** will open

IV. Complete the following sentences with the given words

0. language. / like / I / another / would / learn / to

→ ***I would like to learn another language.***

1. travel / the / like / around / would / world. / to / He

→_____.

2. like / Would / to / you / drink / anything?

→_____?

3. Would / movies / like / you / go / me? / with / the / to / to

→_____?

Mr. Chi English

LIVEWORKSHEETS

4. sweet / for / today. / something / would / I / like

→_____.

5. tea / like / coffee? / Would / you / or

→_____?

V. Complete the sentences with TOO / ENOUGH

0. That car is **too expensive** **(expensive)** to buy.

1. She is_____**(not old)** to come to the party with us.

2. Ben was_____**(lazy)** to do his homework.

3. This car is_____**(old)** to go anywhere.

4. You need another computer because this one is_____**(not fast)**.

5. The books are_____**(heavy)** for him to carry.

Chi English

LIVEWORKSHEETS

Test 2

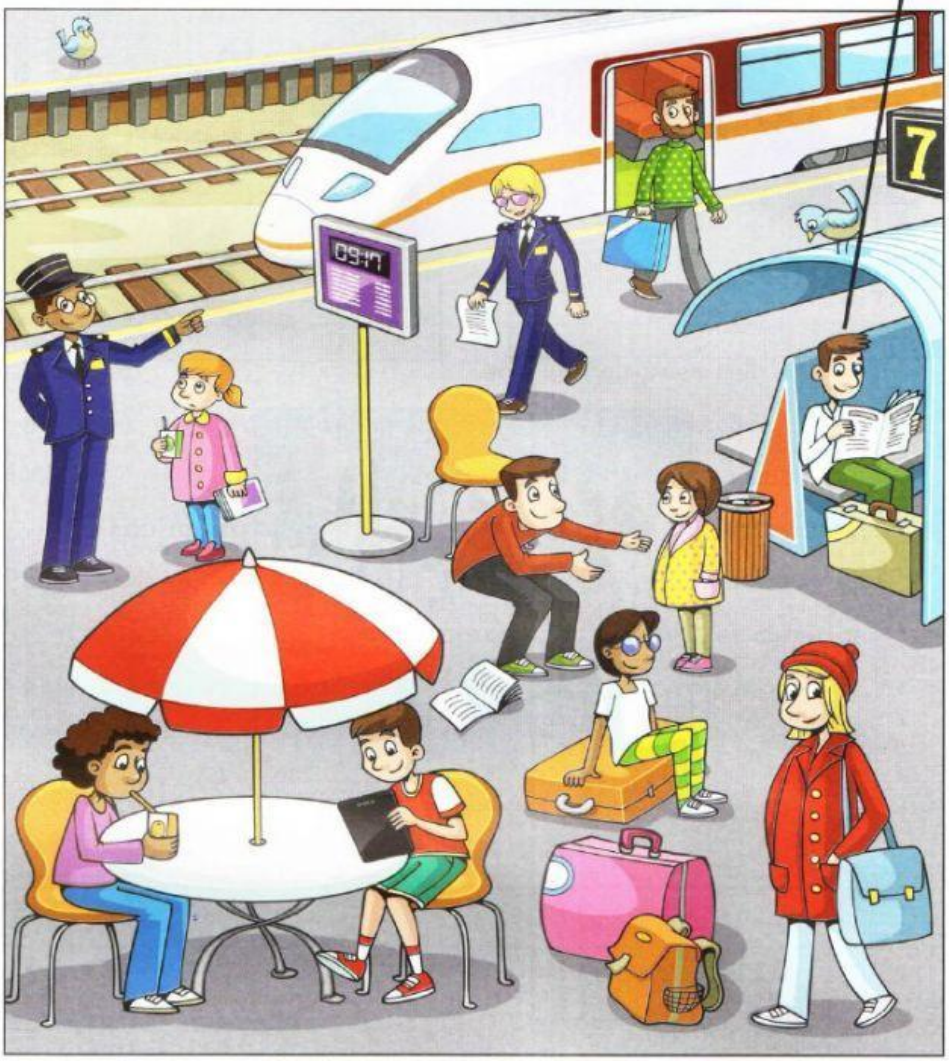
Listening

Part 1

– 5 questions –

Listen and draw lines. There is one example.

Harry Richard Emma George



Katy Robert Sophia

LIVEWORKSHEETS

Part 6

– 5 questions –

Read the diary and write the missing words. Write one word on each line. There is one example.



Example We tried ..... to ..... cycle up Fairgreen Hill but soon got off and pushed our bikes up the hill instead!

1 We ..... really thirsty at the top because it

2 was a hot day so we ..... all the lemonade and water we had with us. Then we ate two huge sandwiches and

3 ..... on the ground and chatted for about an hour. Cycling back down was much easier. But I went too fast when we cycled back down and now I've got a problem with one

4 ..... my wheels.

5 I'll fix ..... tomorrow.

LIVEWORKSHEETS